

Số: 337/2004/QĐ-UB

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 12 năm 2004

QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
Về giao chỉ tiêu kế hoạch huy động nghĩa vụ
lao động công ích năm 2005

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;
- Căn cứ Pháp lệnh nghĩa vụ lao động công ích số 15/1999/PL-UBTVQH ngày 03 tháng 9 năm 1999 của ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Căn cứ Nghị định số 81/2000/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2000 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Pháp lệnh nghĩa vụ lao động công ích;
- Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 4220/TT-LĐTBXH-LĐ ngày 16 tháng 12 năm 2004;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Nay giao chỉ tiêu kế hoạch huy động và phân phối sử dụng Quỹ ngày công nghĩa vụ lao động công ích năm 2005 theo biểu đính kèm.

Điều 2.

2.1- Số ngày công nghĩa vụ lao động công ích hàng năm của mỗi người dân, kể cả người tạm trú liên tục từ 06 tháng trở lên là 10 ngày.

2.2- Trường hợp nếu không trực tiếp đi lao động thì phải có người đi làm thay hoặc đóng tiền thay công.

2.3- Mức đóng tiền thay công trực tiếp năm 2005 cho người có nghĩa vụ tham gia lao động công ích cư trú tại thành phố được thực hiện như sau:

+ Khu vực nội thành: 7.000 đồng/ngày công;

+ Khu vực ngoại thành và các quận 2, 4, 7, 8, 9, 12, Thủ Đức và Bình Tân: 5.000 đồng/ngày công.

Điều 3. Các trường hợp được miễn, tạm miễn thực hiện nghĩa vụ lao động công ích hàng năm thực hiện theo quy định tại Điều 4, Điều 5, Nghị định số

81/2000/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2000 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Pháp lệnh nghĩa vụ lao động công ích.

Việc tạm miễn huy động nghĩa vụ lao động công ích năm 2005 đối với những người trong hộ xóa đói giảm nghèo được phường - xã xác nhận và đang trong chương trình xóa đói giảm nghèo của thành phố được thực hiện như 2004.

Điều 4. Quỹ ngày công nghĩa vụ lao động công ích năm 2005 được phân phối sử dụng theo Điều 7 Nghị định số 81/2000/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2000 của Chính phủ, cụ thể như sau:

- Phần sử dụng tối đa không quá 10% quỹ ngày công nghĩa vụ lao động công ích dành cho cấp thành phố được để lại cho phường - xã sử dụng vào công trình công ích do phường - xã quản lý.

- Quận - huyện sử dụng tối đa 20% quỹ ngày công lao động công ích để hỗ trợ việc xây dựng, tu bổ các công trình công ích của quận - huyện hoặc công trình công ích của phường - xã có nhiều khó khăn. Mức cụ thể do Hội đồng nhân dân quận - huyện quyết định.

- Phường - xã, thị trấn được sử dụng quỹ ngày công lao động công ích còn lại sau khi trừ phần quỹ dành cho quận - huyện.

Điều 5. Kinh phí phục vụ cho việc tổ chức huy động và quản lý việc sử dụng quỹ ngày công lao động công ích tại địa phương bao gồm chi phí quản lý, tuyên truyền, bồi dưỡng nghiệp vụ, sơ kết, tổng kết, khen thưởng và các chi phí có liên quan trực tiếp khác do ngân sách địa phương cấp theo quy định hiện hành.

Điều 6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, thị trấn xây dựng kế hoạch sử dụng quỹ ngày công nghĩa vụ lao động công ích thông qua Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định.

Điều 7.

- Người có thành tích trong việc thực hiện nghĩa vụ lao động công ích được khen thưởng theo quy định của Nhà nước.

- Người có hành vi chống đối, cản trở việc huy động, trốn tránh thực hiện nghĩa vụ lao động công ích thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm bị xử phạt vi phạm theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Trách nhiệm của các Sở - ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân quận - huyện:

1. Sở Tài chính:

- In, phát hành biên nhận thu tiền thay công nghĩa vụ lao động công ích cho phường - xã, thị trấn;

- Duyệt cấp kinh phí quản lý theo đề nghị của quận - huyện và hướng dẫn thực hiện;

- Quyết toán tài chính việc sử dụng quỹ ngày công bằng tiền trên địa bàn thành phố hàng năm.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, báo cáo kết quả huy động và sử dụng quỹ ngày công nghĩa vụ lao động công ích hàng năm cho Hội đồng nhân dân thành phố và Ủy ban nhân dân thành phố.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện chịu trách nhiệm thẩm định và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch huy động nghĩa vụ lao động công ích của phường - xã, thị trấn trên địa bàn, báo cáo kết quả công tác huy động và sử dụng quỹ ngày công lao động công ích cho Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 9. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 10. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Thủ trưởng các Sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường - xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 10;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND. TP;
- Ủy ban nhân dân thành phố;
- Các Ban HĐND thành phố;
- UBMTTQ và các Đoàn thể TP;
- VPHĐ-UB: Các PVP, các Tổ NCTH;
- Lưu (VX-LC).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Tài

**KẾ HOẠCH HUY ĐỘNG VÀ PHÂN PHỐI SỬ DỤNG
QUỸ NGÀY CÔNG NGHĨA VỤ LAO ĐỘNG CÔNG ÍCH NĂM 2005**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 337 /2004/QĐ-UB
ngày 30 tháng 12 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Số TT	Toàn thành phố	Chỉ tiêu huy động năm 2005	Phân phối sử dụng	
			Quận - huyện 20%	Phường - xã, thị trấn 80%
	Toàn thành phố	3.633.450	726.690	2.906.760
	Nội thành	3.125.000	625.000	2.500.000
01	Quận 1	140.000	28.000	112.000
02	Quận 2	60.000	12.000	48.000
03	Quận 3	170.000	34.000	136.000
04	Quận 4	110.000	22.000	88.000
05	Quận 5	190.000	38.000	152.000
06	Quận 6	170.000	34.000	136.000
07	Quận 7	80.000	16.000	64.000
08	Quận 8	250.000	50.000	200.000
09	Quận 9	125.000	25.000	100.000
10	Quận 10	240.000	48.000	192.000
11	Quận 11	210.000	42.000	168.000
12	Quận 12	90.000	18.000	72.000
13	Quận Bình Thạnh	200.000	40.000	160.000
14	Quận Phú Nhuận	185.000	37.000	148.000
15	Quận Tân Bình	250.000	50.000	200.000
16	Quận Tân Phú	190.000	38.000	152.000
17	Quận Gò Vấp	180.000	36.000	144.000
18	Quận Thủ Đức	200.000	40.000	160.000
19	Quận Bình Tân	85.000	17.000	68.000
	Ngoại thành	508.450	101.690	406.760
20	Huyện Hóc Môn	125.000	25.000	100.000
21	Huyện Củ Chi	180.000	36.000	144.000
22	Huyện Nhà Bè	57.000	11.400	45.600
23	Huyện Bình Chánh	96.450	19.290	77.160
24	Huyện Cần Giờ	50.000	10.000	40.000

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ